

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Xuân.

2. Ông Thạch Phới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Thạch Sấm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thảo N, sinh năm 1992 (vắng có đơn).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1980 (vắng có đơn).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (BL 02) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thảo N trình bày: Chị với anh Trần Văn H chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 03 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/8/2008, Trần Văn Minh Y, sinh ngày 30/12/2009 và Trần Văn Minh N, sinh ngày 08/4/2015 hiện do anh H đang nuôi dưỡng các con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị xin ly hôn là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan

điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh H thường xuyên cãi nhau do anh H thường xuyên uống rượu say sưa về ghen tuông, chửi và đánh đập chị nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm gì với anh H nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Chị đồng ý giao các con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/8/2008, Trần Văn Minh Y, sinh ngày 30/12/2009 và Trần Văn Minh N, sinh ngày 08/4/2015 hiện do anh H đang nuôi dưỡng cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng mà chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không tranh chấp với anh H.

Về nợ chung: Không tranh chấp với anh H.

Anh Trần Văn H vắng mặt và có lời khai vào ngày 19/7/2024 như sau (BL 23): Anh với chị N chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 03 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/8/2008, Trần Văn Minh Y, sinh ngày 30/12/2009 và Trần Văn Minh N, sinh ngày 08/4/2015 hiện do anh đang nuôi dưỡng các con chung. Anh thừa nhận hai vợ chồng chung sống hay cự cãi với nhau, không còn hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân mấy tháng nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N, về con chung anh yêu cầu được nuôi 03 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, Trần Văn Minh Y và Trần Văn Minh N mà không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung và nợ chung thì anh không tranh chấp với chị N.

Cháu Trần Thị Huỳnh N, Trần Văn Minh Y và Trần Văn Minh N vắng mặt nhưng có bản tự khai như sau (BL 24, 25): Các cháu là con chung của mẹ là Trần Thị Thảo N và cha là Trần Văn H. Nay cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng sống với cha là Trần Văn H.

Tại phiên tòa:

Tất cả các đương sự vắng mặt, không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thảo N. Cho chị Trần Thị Thảo N được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung, giao ba con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/8/2008, Trần Văn Minh Y, sinh ngày 30/12/2009 và Trần Văn Minh N, sinh ngày 08/4/2015 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Về chia tài sản chung, do các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không

xem xét. Về nợ chung, do các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Trần Văn H có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn H trực tiếp nhận. Sau khi nhận các văn bản này thì anh H làm đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt. Đồng thời chị N cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[3] Về nội dung:

Xét thấy, chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2009 (BL 06) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì cả hai đều thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc, hay cự cãi nên chung sống không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Tòa án xác minh chính quyền địa phương nơi chị N và anh H chung sống với nhau thì được biết hai vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra cự cãi, sống không được hạnh phúc (BL 28). Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh H thống nhất ly hôn với chị N. Vấn đề này thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử sẽ xem xét việc yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H xác định trong thời gian chung sống, chị N và anh H có 03 người con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/8/2008, Trần Văn Minh Y, sinh ngày 30/12/2009 và Trần Văn Minh N, sinh ngày 08/4/2015 hiện do anh H đang nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng Hội đồng xét xử cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Các đương sự thống nhất sau khi ly hôn thì ba con chung do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Vấn đề này thấy rằng, từ trước đến nay các con chung do anh H nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt. Hơn nữa các

con chung có lời khai là nếu cha mẹ ly hôn thì đều có nguyện vọng được sống với cha (BL 24) nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao các con chung cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật với nguyện vọng của các con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thảo N và anh Trần Văn H không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị Thảo N và anh Trần Văn H không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Thảo N và anh Trần Văn H không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thảo N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thảo N.

Cho chị Trần Thị Thảo N được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao ba con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 01/8/2008, Trần Văn Minh Y, sinh ngày 30/12/2009 và Trần Văn Minh N, sinh ngày 08/4/2015 cho anh Trần Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đây cũng là phù hợp với ý chí nguyện vọng của các cháu Trần Thị Huỳnh N, Trần Văn Minh Y và Trần Văn Minh N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thảo N và anh Trần Văn H không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị Thảo N và anh Trần Văn H không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Thảo N và anh Trần Văn H không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thảo N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008502 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Trần Thị Thảo N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị Thảo N và anh Trần Văn H được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện KSND huyện Cầu Kè;
- Chi CTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã T, huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Chí Điền